

Số: 63/BC-VICS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát****- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VICS)****- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/01/2008****- Vốn điều lệ: 341.333.000.000 đồng****- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 341.333.000.000 đồng****- Địa chỉ: Villa 3, 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM****- Số điện thoại: 028-39110788****- Số fax: 028-39110789****- Website: www.vics.com.vn****- Mã cổ phiếu: VIG (sàn GDCK HNX)****- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

- ✓ **11/1/2008** Công ty cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) được chính thức cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 88/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- ✓ **27/3/2008** Trở thành thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định số 113/QĐ-TTGDCKHN ngày 26/3/2008 của HASTC;
- ✓ **11/4/2008** Trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 76/QĐ-SGDHCM ngày 8/4/2008 của HOSE;
- ✓ **27/6/2008** Thành lập và khai trương Chi nhánh TP HCM theo Quyết định số 447/QĐ-UBCK ngày 27/6/2008 của UBCK NN;
- ✓ **16/10/2009** Đại hội cổ đông bất thường 2009 thành công, thông qua các Nghị quyết quan trọng là niêm yết cổ phiếu VICS tại HNX và tăng vốn điều lệ lên trên 300 tỷ đồng;



- ✓ **1/12/2009** Chính thức chào sàn niêm yết cổ phiếu VICS tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán VIG;
- ✓ **7/9/2010** VICS vinh dự là một trong số 100 doanh nghiệp niêm yết được trao tặng giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín - 2010”;
- ✓ **11/10/2010** Được chấp thuận sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động với mức vốn điều lệ mới là 341,333 tỷ đồng, đủ điều kiện bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- ✓ **7/4/2011** VICS vinh dự là 1 trong 113 doanh nghiệp được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND về việc khen thưởng thành tích công tác năm 2010 khối doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.
- ✓ **5/7/2011** VICS vinh dự là một trong 37 doanh nghiệp đoạt giải thưởng cuộc Bình chọn Báo cáo Thường niên Tốt nhất năm 2011 trong tổng số hơn 600 báo cáo thường niên của các doanh nghiệp niêm yết trên cả hai sàn HSX và HNX.
- ✓ **25/5/2013** Đại hội đồng Cổ đông Công ty thường niên 2013 thành công tốt đẹp. HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013-2019 đã được các cổ đông bầu tại Đại hội này.
- ✓ **30/9/2013** Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPDC-UBCK ngày 30/9/2013 của Chủ tịch UBCKNN về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.
- ✓ **30/9/2013** Chấp thuận thay đổi địa điểm và đổi tên Chi nhánh Tp. HCM thành Chi nhánh Tp. Hà Nội theo Quyết định số 591/QĐ-UBCK ngày 30/9/2013 của UBCKNN về việc sửa đổi quyết định thành lập Chi nhánh Công ty chứng khoán.
- ✓ **21/9/2014** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014.
- ✓ **06/11/2014** UBCKNN chấp thuận cho Công ty được thay đổi địa điểm Chi nhánh Hà Nội và người đứng đầu Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 871/QĐ-UBCK ngày 06/11/2014 của Chủ tịch UBCKNN về việc sửa đổi quyết định thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- ✓ **15/01/2015** UBCKNN chấp thuận đóng cửa Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng tại tầng 5, tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo Quyết định số 28/QĐ-UBCK ngày 05/01/2015 của Chủ tịch UBCKNN về việc đóng cửa Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng.
- ✓ **15/01/2015** UBCKNN chấp thuận cho Công ty thành lập Chi nhánh Hà Thành theo Quyết định số 29/QĐ-UBCK ngày 05/01/2015 của Chủ tịch UBCKNN về việc thành lập Chi nhánh.
- ✓ **15/01/2015** UBCKNN chấp thuận cho Chi nhánh Hà Thành của Công ty được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo Quyết định số 30/QĐ-UBCK ngày 05/01/2015 của Chủ tịch UBCKNN về việc chấp thuận cho CN Hà Thành được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.

12
DN
T.T
ON
T.T
T.T

- ✓ **23/05/2015** VICS Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2015 (triệu tập lần 2)
- ✓ **23/4/2016** VICS tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2016
- ✓ **27/05/2017** VICS tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017
- ✓ **26/5/2018** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018. HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2018-2023 đã được các cổ đông bầu tại Đại hội này
- ✓ **24/9/2018** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty năm 2018. HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 xin từ nhiệm vì lý do cá nhân và bầu HĐQT, Ban kiểm soát thay thế nhiệm kỳ 2018-2023 đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội này.
- ✓ **8/6/2019** VICS tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019.
- ✓ **20/6/2021** VICS tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) là tổ chức tài chính khá uy tín tại thị trường Việt Nam, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm:

- **dịch vụ chứng khoán**

VICS cung cấp cho nhà đầu tư các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp.

- **dịch vụ ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp**

VICS cung cấp cho các doanh nghiệp các sản phẩm dịch vụ đa dạng và chất lượng cao bao gồm: Tư vấn cổ phần hóa, sắp xếp tái cơ cấu doanh nghiệp, tư vấn niêm yết chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập (M&A), kết nối và xúc tiến đầu tư... cùng nhiều dịch vụ tư vấn tài chính hữu ích khác;

- **nghiên cứu phân tích và tư vấn đầu tư**

VICS cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích chuyên nghiệp thông qua các báo cáo phân tích cơ bản cổ phiếu, phân tích kinh tế, phân tích thị trường từ đó hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đầu tư và tư vấn chiến lược đầu tư hữu hiệu cho các nhà đầu tư.

- **hoạt động đầu tư tài chính**

VICS có hoạt động đầu tư năng động thông qua các hình thức đầu tư tài chính đa dạng như: Đầu tư tự doanh chứng khoán, đầu tư chiến lược vào các cổ phiếu tiềm năng, đầu tư tài chính vào các dự án khả thi theo quy định của pháp luật.

Trong đó, dịch vụ chứng khoán, bao gồm môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán là hoạt động kinh doanh chính của VICS (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần đây)

- Địa bàn kinh doanh: VICS hoạt động chủ yếu ở hội sở tại Thành Phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành Phố Hà Nội

- **Hội sở chính:**

Địa chỉ: Villa 3, số 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, quận 1, Tp. HCM

Tel : (84-28) 3.9110788 Fax : (84-28) 3.9110789

Hotline: 08-39105555

- **Chi nhánh Hà Thành:**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel : (84-24) 35148838 Fax : (84-24) 35148768 Email: info@vics.com.vn

- **Chi nhánh Thành phố Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 8, tháp B, Tòa nhà Sông Đà đường Phạm Hùng Nam Từ Liên, Hà Nội

Tel : (84-24) 35148766 Fax : (84-24) 62566966 Hotline: (84-4) 35149999

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

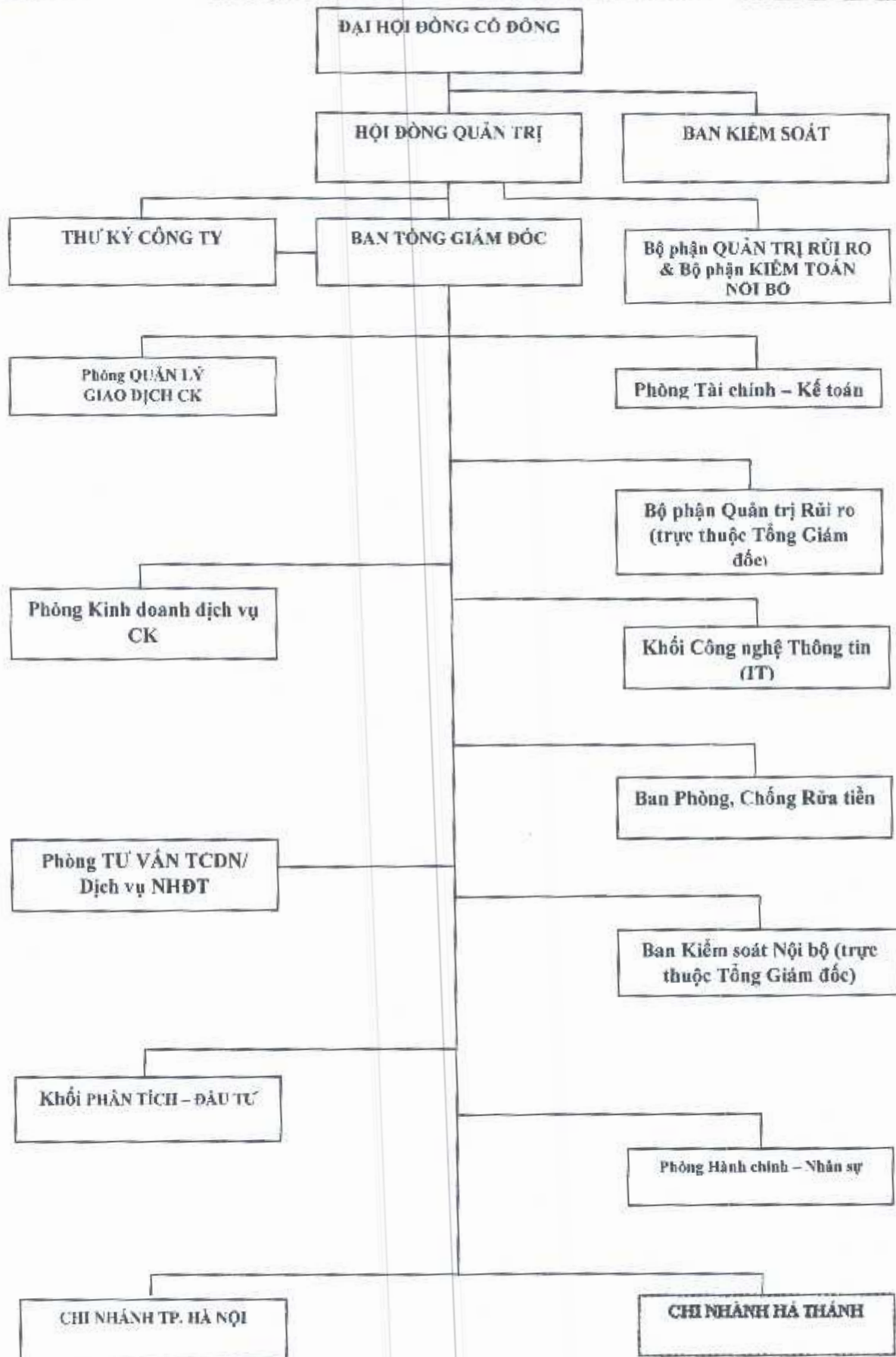
- Mô hình quản trị:

VICS áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Giám đốc bộ phận chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

11.11.2020 15:11



// 01 > 2 0 5 2 5 10/11

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển và sáng tạo các sản phẩm và dịch vụ tài chính hỗ trợ để thu hút khách hàng trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- + Xây dựng VICS trở thành một công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và năng lực giao dịch trực tuyến mạnh trên thị trường.
- + Phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch tại các đô thị lớn có thị trường khách hàng tốt, hoạt động hiệu quả theo hướng tự chủ kinh doanh.
- + Xây dựng VICS trở thành một nhà cung cấp uy tín về dịch vụ chứng khoán và giải pháp tài chính, có năng lực nghiên cứu phân tích, tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu cao nhất của khách hàng.
- + Xây dựng VICS trở thành nhà tư vấn cổ phần hóa, IPO, tư vấn niêm yết có uy tín, hỗ trợ hiệu quả cho tiến trình cổ phần hóa và tham gia TTCK của hệ thống doanh nghiệp tại Việt Nam.
- + Hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán chủ động và hiệu quả cao; Tìm kiếm và đầu tư chiến lược vào các công ty có tài sản giá trị, có tiềm năng phát triển để đưa lên niêm yết trên TTCK.
- + Hướng tới trở thành một trong 30 công ty có thị phần hàng đầu trên thị trường.
- + Xây dựng đội ngũ nhân sự VICS đạt tới các chuẩn mực cao nhất về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực cung cấp dịch vụ và khả năng quản trị doanh nghiệp hiện đại

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- + Vượt qua khó khăn của thị trường, hướng tới sự phát triển bền vững, làm lợi cho nhà đầu tư, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, đóng góp và chia sẻ lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

5. Các rủi ro:

Trên cơ sở đánh giá một cách tổng quan, VICS nhận thấy các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

- **Rủi ro hệ thống.**

Còn được gọi là rủi ro thị trường. Rủi ro hệ thống liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế hay đến phân khúc thị trường chứng khoán. Rủi ro này ảnh hưởng đến tất cả các công

ty bất kể tình trạng tài chính hoặc quản lý của công ty. Tùy thuộc vào đầu tư, nó có thể liên quan đến yếu tố quốc tế cũng như là các yếu tố nội địa. Bao gồm các biến động về kinh tế, rủi ro lãi suất, rủi ro lạm phát, rủi ro tiền tệ và rủi ro chính trị xã hội.

Biến động kinh tế: kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất và tỷ giá hối đoái..., đặc biệt có ảnh hưởng trực tiếp, tức thì đối với các tổ chức hoạt động trên Thị Trường Chứng khoán (TTCK) như các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.

Những biến động về chính trị xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các tổ chức hoạt động trong thị trường chứng khoán nói riêng.

Rủi ro hệ thống nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp nói chung và VICS nói riêng chỉ có thể sử dụng các biện pháp phòng ngừa là làm tốt công tác dự báo, tiên liệu các tình huống và chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, tránh bị các yếu tố trên ảnh hưởng.

- **Rủi ro cụ thể.**

Cũng được gọi là rủi ro phi hệ thống, rủi ro cụ thể làm ảnh hưởng đến ít số lượng công ty hoặc đầu tư hơn. Nhìn chung, rủi ro cụ thể liên quan đến khoản đầu tư vào một sản phẩm, công ty hay ngành công nghiệp đặc thù. Rủi ro cụ thể bao gồm rủi ro quản lý, rủi ro pháp lý, rủi ro của bên thứ ba và rủi ro tín dụng...

Có thể nói rằng, từ khi TTCK được thành lập và đi vào hoạt động đến nay, các cơ chế chính sách phát triển chứng khoán luôn được sửa đổi bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế. Đó chính là một trong những nguyên nhân giúp TTCK Việt Nam ngày càng phát triển, ổn định và vững chắc. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật điều chỉnh thị trường vẫn còn lỏng lẻo, thiếu sự đồng bộ và chưa bao quát hết được các vấn đề mới nảy sinh trên TTCK cũng như việc chậm trễ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành dưới Luật gây ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý, áp dụng... Gây cản trở hoạt động của các doanh nghiệp.

Rủi ro quản lý là những rủi ro được sinh ra do các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác... bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Để hạn chế các rủi ro này ở mức thấp nhất, VICS đã thực hiện đầy đủ các nguyên tắc về quản trị và kiểm soát rủi ro, chú trọng đầu tư các công nghệ hiện đại, phần mềm giao dịch tiên tiến có độ an toàn cao... Mặt khác, đào tạo nâng cao nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho Cán bộ nhân viên, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình đã được ban hành... Vì thế, năm 2020, VICS đã không có rủi ro nghiêm trọng nào xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 |
|-----|--------------------|-------------|----------------|---------------|----------------|
| 1 | Doanh thu | Tỷ | 6,30 | 10,5 | 6,65 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ | -23,95 | 0,7 | -3,49 |

2. Tổ chức và nhân sự

Ban điều hành

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Biểu Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Thành Vinh Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Thành

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT KHỐI, PHÒNG, BAN

KHỐI QUẢN LÝ GIAO DỊCH VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Ông Tô Thành Vinh Tổng Giám đốc phụ trách Khối Môi giới & KDCK

KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng Phụ trách Khối Tư vấn

KHỐI PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ

Ông Tô Thành Vinh Tổng Giám đốc phụ trách Khối

KHỐI TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Bà Vũ Huyền Trâm

Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán

KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**Ông Nguyễn Xuân Pháp**

Trưởng bộ phận IT

KHỐI KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO**Ông Nguyễn Thành Vinh**

Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Bà Phạm Thị Hồng Nhung**

Giám đốc Chi nhánh

CHI NHÁNH HÀ THÀNH**Ông Tô Thành Vinh**

Giám đốc Chi nhánh

Lý lịch trích ngang của Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt các phòng ban:

| S T T | HỌ VÀ TÊN | NĂM SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | TRÌNH ĐỘ |
|----------------------|------------------------|---------------------|---|--|
| 1 | Nguyễn Xuân Biểu | 25/02/1966 | Số 5/92A Ngõ Trang Long, Phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Cử nhân Kinh tế, Cử nhân luật, luật sư |
| 2 | Tô Thành Vinh | 06/01/1973 | Số 44 Đồng Nhân Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | Bác sỹ đa khoa, Cử nhân kinh tế |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 19/08/1974 | Số 44 Đồng Nhân Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | Kế toán tài chính, |
| 4 | Phạm Thị Hồng Nhung | 01/03/1985 | Số T18 – T1 804, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | Cử nhân Kinh tế |
| 5 | Vũ Huyền Trâm | 25/06/1986 | Vạn Thắng, Công Nông, Thanh Hóa | Cử nhân kế toán tài chính, Thạc sỹ kinh tế |
| 6 | Nguyễn Xuân Pháp | 19/06/1986 | 18-03 KDC Him Lam Phú Đông, p. An Bình, Tx. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | Kỹ sư công nghệ thông tin |

- Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 07/09/2020: Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Xuân Biều đồng thời bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Tô Thành Vinh.
- Ngày 28/10/2020: Miễn nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc đồng thời bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Tô Thành Vinh.
- Ngày 28/10/2020: Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc khối Tư vấn đối với bà Nguyễn Thị Thu Hằng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có công ty con hay công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

| Chi tiêu/ Indicators | Năm 2020 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|--|-----------------|-----------------|-------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: | | | |
| Tổng giá trị tài sản: | 212.106.668.451 | 212.516.296.293 | 0,19% |
| Doanh thu thuần | 6.656.849.709 | 6.302.166.996 | 5,63% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -3.221.412.134 | -23.578.245.602 | 86,3% |
| Lợi nhuận khác | -274.090.528 | -377.316.085 | 27,4% |
| Lợi nhuận trước thuế | -3.495.502.662 | -23.955.561.687 | 85,4% |
| Lợi nhuận sau thuế | -3.495.502.662 | -23.955.561.687 | 85,4% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | -102 | -107 | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2019 | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |

4/03/2021

| | | | |
|---|-------|-------|--|
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 0.11 | 0.09 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 0.11 | 0.09 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) | 0.10 | 0.08 | |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>) | 0.11 | 0.09 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 0 | 0 | |
| + Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | | | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | -0.53 | -3.80 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | -0.02 | -0.12 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | -0.02 | -0.11 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -0.53 | -3.80 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

| | | |
|-----------------------------------|------------|----------|
| Số lượng cổ phiếu niêm yết | 34.133.300 | Cổ phiếu |
| Loại cổ phiếu | Phổ thông | |
| Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành | 34.133.300 | |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | Cổ phiếu |
| Mệnh giá | 10.000 | Đồng |

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020:

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | | Tổng | |
|---------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|-----------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tổng (%) |
| Tổng vốn chủ sở hữu | 341.333.000.000 | 100% | 0 | 0 | 341.333.000.000 | 100% |
| 1. Cổ đông nhà nước | 0 | | | | | |
| 2. Cổ đông đặc biệt | | | | | | |
| HDQT | 0 | 0 | | | | |
| Ban Giám đốc | 0 | 0 | | | | |
| Ban kiểm soát | 0 | 0 | | | | |
| Kế toán trưởng | 0 | 0 | | | | |
| Cổ đông sáng lập | 0 | 0 | | | | |
| Tổng | 0 | 0 | | | | |
| 3. Cổ đông khác | 341.333.000.000 | 100% | | | 341.333.000.000 | 100% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Trách nhiệm với môi trường:

Bảo vệ môi trường là một trong những điều mà VICS chú trọng. Toàn thể nhân viên của VICS đều được tuyên truyền về vấn đề này và luôn học hỏi những sáng tạo về môi trường xanh như:

+ Không gian xanh: xung quanh nơi làm việc được trồng nhiều loại cây xanh.

+ Tiết kiệm năng lượng: hạn chế sử dụng các vật dụng, thiết bị tiêu tốn năng lượng, khuyến khích sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện, nâng cấp thiết bị, vật dụng. Tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm việc như tái sử dụng giấy một mặt cho việc làm tài liệu tham khảo nội bộ...

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

Tổng số nhân viên đang làm việc tại VICS bao gồm cả cộng tác viên tính đến tháng 12 năm 2020 là 32 nhân viên, tăng 4 người so với năm 2019. Lương của các cán bộ nhân viên kinh doanh trực tiếp được chuyển đổi sang hình thức nhận lương khoán có tính cạnh tranh cao và khuyến khích người lao động chủ động, năng động trong công việc. Thu nhập bình quân của nhân viên là 12.350.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty VICS đều được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia, hưởng ứng công tác Đoàn Thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học, đào tạo ở trong nước... thực hiện đầy đủ các báo cáo, chế độ đăng ký Nội Quy lao động, tham gia các hoạt động khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý lao động địa phương.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán, VICS đã chú trọng khâu tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nhằm thu hút, tận dụng đội ngũ lãnh đạo cũng như chuyên viên có trình độ và kinh nghiệm.

Bộ máy lãnh đạo IIDQT, Ban điều hành của VICS gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, có kinh nghiệm, tầm nhìn và quản lý lâu năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư... Các cán bộ quản lý khối, phòng, ban đều có các chứng chỉ hành nghề chuyên môn và đều là những người có nhiều kinh nghiệm về môi giới, tư vấn, phân tích và đầu tư chứng khoán, được đào tạo sâu về tài chính, chứng khoán, kế toán và kiểm toán tại các trường Đại học danh tiếng trong nước và quốc tế.

Với chiến lược nhân sự đúng đắn, VICS sẽ tiếp tục thu hút được nhiều nhân sự giỏi, có kinh nghiệm chuyên sâu về làm việc ổn định tại Công ty. Hiện nay, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên viên đặc biệt là các cán bộ các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ hầu hết là cán bộ trẻ nhưng đã có

nhiều năm công tác gắn bó tại công ty. Qua đó giúp Công ty đảm bảo sự ổn định và thông suốt trong quản lý vận hành nghiệp vụ, đạt năng suất lao động và hiệu quả công việc cao.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, VICS cũng chú trọng xây dựng mức lương, thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm, toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị của Ban lãnh đạo, tính chuyên nghiệp và chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên cùng sự đồng lòng nhất trí vì mục tiêu phát triển chung của Công ty đã, đang và sẽ là động lực chính giúp VICS vượt qua các khó khăn thách thức, phát triển bền vững, tăng trưởng cao trong thời gian tới.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty thường tham gia quyên góp cho những hoạt động từ thiện với mong muốn góp một phần hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, nâng cao trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa tiến hành.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- **Hoạt động môi giới chứng khoán**

Trong năm 2020, doanh thu hoạt động môi giới đạt 3,1 tỷ đồng cao hơn so với năm 2019 là 1,9%. Tỷ trọng thị phần môi giới của VICS vẫn còn nhỏ, nguyên nhân chủ yếu là đến thời điểm 31/12/2020 VICS vẫn chưa thể tiếp cận được nguồn vốn tín dụng để hợp tác với nhà đầu tư và chưa được thực hiện hoạt động Margin.

- **Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp**

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 2,5 tỷ đồng. Hầu hết các hợp đồng tư vấn của công ty mới dừng lại ở các nghiệp vụ thông thường như tư vấn niêm yết, tăng vốn, đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ... chịu áp lực cạnh tranh giảm giá rất lớn từ rất nhiều công ty chứng khoán khác trên thị trường. Công ty chưa tiếp cận được các hợp đồng lớn có khả năng mang lại giá trị gia tăng cao như các hợp đồng về tái cơ cấu chiến

lược doanh nghiệp, thu xếp nguồn vốn và các hợp đồng về M&A.... Tuy nhiên công ty đã ký được những hợp đồng tư vấn hợp nhất, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.

- **Hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và hợp tác kinh doanh chứng khoán năm 2020 đạt 0.6 tỷ đồng (chủ yếu là doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán hay dịch vụ tài chính khác) cao hơn 54.54 % so với năm 2019. Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, trong suốt năm 2020 công ty gần như không thể tiếp cận được với các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và ngân hàng trong khi nguồn vốn của công ty hạn hẹp.

- **Hoạt động tự doanh và đầu tư góp vốn**

Trong năm 2020, VICS tiếp tục thực hiện cơ cấu lại danh mục hiện có của các năm trước tồn đọng. Tuy nhiên trước áp lực phải thanh toán nợ đến hạn đối với khoản nợ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và PTNN Hà Nội và một số tổ chức, cá nhân có liên quan khác, đồng thời phải đảm bảo tính thanh khoản hàng ngày đối với hoạt động giao dịch chứng khoán đối với Nhà đầu tư tránh tình trạng mất thanh khoản đồ vỡ như một số công ty chứng khoán khác trên thị trường nên hoạt động này hạn chế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng Tài sản tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 212.5 tỷ đồng, không biến động nhiều so với năm 2019. Trong đó chủ yếu vẫn là các khoản nợ phải thu hợp tác kinh doanh cũ của công ty. Công ty kinh doanh chưa có hiệu quả vì đang trong giai đoạn tái cơ cấu doanh nghiệp và tìm kiếm đối tác đầu tư.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Các khoản nợ tại ngày 31/12/2020 của công ty là 21,6 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2019. Trong đó chủ yếu là khoản nợ Công ty TNHH MTV Đầu tư và PTNN Hà Nội tồn đọng từ 2011 đến nay bao gồm gốc và lãi lên tới 13 tỷ đồng và các khoản nợ khác.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có nợ ngoại tệ, nên không có ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tăng tỷ trọng thị phần môi giới: đưa ra các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, chủ động tiếp cận với các doanh nghiệp.

- Tích cực làm việc, đàm phán với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để có nguồn vốn phục vụ hoạt động hợp tác kinh doanh với khách hàng.
- Phát triển mạng tư vấn đầu tư, coi đây là mũi nhọn để thu hút khách hàng.
- Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 | Kế hoạch năm 2021 |
|------------|---|--------------------|-------------------|
| A | Tổng doanh thu | 6,96 | 10,5 |
| I | Doanh thu kinh doanh | 6,65 | 10,0 |
| 1 | Doanh thu từ hoạt động môi giới | 3,15 | 5,0 |
| 2 | Doanh thu hoạt động tự doanh, đầu tư tài chính khác | 0,31 | 1,2 |
| 3 | Doanh thu hoạt động tư vấn | 2,49 | 3,8 |
| 4 | Doanh thu khác | 0,35 | 0,5 |
| B | Tổng chi phí | 9,87 | 10,0 |
| I | Chi phí kinh doanh | 4,13 | 4,4 |
| II | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5,74 | 5,6 |
| III | Lợi nhuận khác | -0,27 | 0,2 |
| C | Lợi nhuận trước thuế | -3,49 | 0,7 |
| D | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ | -0,01 | 0,002 |

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Về phía VICS, năm 2020 là năm mà Công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Do đặc thù VICS là một công ty chứng khoán đại chúng với hầu hết các cổ đông nhỏ lẻ, không có sự hậu thuẫn nào về nguồn vốn và các lợi thế kinh doanh từ một ngân hàng hoặc tập đoàn kinh tế mạnh nào đó. Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Ban Điều hành, sự giám sát chặt chẽ của HĐQT cùng nỗ lực của toàn thể, năm 2020 VICS chỉ đạt 6.65 tỷ đồng doanh thu, không đạt kế hoạch, chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2020 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2020 Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, điều hành. Tuy nhiên, do những khó khăn còn tồn đọng nên các chỉ tiêu chính vẫn không hoàn thành, chưa thỏa mãn các nhu cầu của các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021 dự kiến sẽ khởi sắc hơn của nền kinh tế cũng như TTCK, tuy nhiên trước những thách thức nan giải về khả năng phục hồi và phát triển của nền kinh tế trong nước, các tác động tiêu cực từ những hệ lụy, bất cập trong chính sách quản lý và điều hành của Nhà nước, những tồn tại yếu kém trong hệ thống hệ thống tài chính - ngân hàng, doanh nghiệp Nhà nước ... đặc biệt là những tác động của việc tái cấu trúc nền kinh tế trong đó có việc tái cấu trúc TTCK có thể gây nhiều bất lợi cho các công ty chứng khoán vừa và nhỏ. Với nhiều bất lợi trong cạnh tranh, đứng trước những khó khăn thách thức đó, để đảm bảo được yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính đối với các CTCK, thì VICS vẫn phải tiếp tục thực hiện tái cấu trúc trong hoạt động Công ty để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển.

Trước tình hình đó, VICS cần thiết triệt để thực hiện các định hướng quan trọng và chủ yếu sau:

- Dần từng bước mở rộng quy mô hoạt động về tổ chức, mạng lưới, nghiệp vụ kinh doanh và kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ, đảm bảo chi duy trì và phát triển các hoạt động nghiệp vụ có lợi nhuận, có hiệu quả và thiết thực đối với quy mô và thực tế hoạt động của Công ty;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo sự phát triển minh bạch và bền vững, hạn chế tối đa các rủi ro hệ thống và rủi ro thị trường, rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động... Đảm bảo tối đa an toàn tài chính trong công tác quản lý tài sản, dịch vụ môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư;
- Nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành và sử dụng của toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất, công nghệ, nhân lực hiện có; Tận dụng tối đa các cơ sở hiện có để phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ chính có hiệu quả; phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, các hoạt động kinh doanh khác trong bối cảnh thị trường khó khăn;
- Tập trung phát triển các mảng hoạt động có khả năng có lợi nhuận như: Tư vấn M&A, thu xếp vốn và các dịch vụ tài chính; Tìm kiếm nguồn vốn ổn định, lãi suất thấp để phát triển các dịch vụ tài chính, phát triển hoạt động môi giới khi thị trường phục hồi và tăng trưởng;
- Tập trung tái cấu trúc hệ thống tài chính, trong đó ưu tiên việc nâng cao tính thanh khoản của tài sản hiện có; đảm bảo tránh nguy mất thanh khoản; Xem xét trích lập tối đa dự phòng đầu tư tài chính và các khoản phải thu khi cần thiết; Nỗ lực đảm bảo yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác mạnh về tài chính và chuyên ngành để hỗ trợ về nguồn vốn và thị trường đầu ra cho các hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp Công ty có cơ sở và điểm tựa để nâng tầm phát triển.
- Xem xét thực hiện các giải pháp phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để lành mạnh hóa tình hình tài chính và đáp ứng cao nhất các yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính, làm tiền đề cho việc phát triển lành mạnh trong dài hạn.

V. Quản trị công ty**1. Hội đồng quản trị****a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đều có đủ các chứng chỉ về quản trị doanh nghiệp và phần lớn đều là những người từng giữ trọng trách tại các Công ty lớn.. Hiện một trong số ba thành viên Hội đồng quản trị Công ty không kiêm nhiệm các chức danh trong Ban Điều hành, điều này đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành và tập trung vào định hướng, nghiên cứu chiến lược phát triển dài hạn.

ÔNG NGUYỄN XUÂN BIỂU**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Biếu là cử nhân kinh tế Đại học Thương mại Hà Nội, cử nhân luật Đại học Luật Tp. HCM. Ông Biếu có kinh nghiệm 15 năm thành công trong cương vị quản lý tài chính, quản lý kinh doanh tại doanh nghiệp nhà nước và thành viên HĐQT công ty cổ phần, là người đã tham gia sáng lập Công ty Chứng khoán VICS và gây dựng chi nhánh VICS tại Tp. HCM. Ông Biếu hiện đang đảm nhiệm vai trò Tổng Giám đốc VICS

ÔNG TÔ THÀNH VINH**Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Vinh là cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng và thị trường tài chính Đại học Kinh tế Quốc Dân. Ông Vinh có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành doanh nghiệp và quản trị tài chính. Trong đó hơn 13 năm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán, gắn bó với VICS gần 10 năm. Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Thành tại VICS

ÔNG NGUYỄN XUÂN SANH**Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Sanh là kỹ sư. Là người có trên 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, nghiên cứu và quản lý chất lượng. Ông cũng từng tham gia giảng dạy, công tác nghiên cứu khoa học và đảm nhiệm công tác nghiên cứu, thí nghiệm. Hiện ông đang làm Chuyên gia quản lý chất lượng tại Công ty CDM Smith (Hoa Kỳ).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- **Bộ phận Thư ký Công ty** giúp việc cho HĐQT các hoạt động chủ yếu như sau:

2
16
14
13
11
10

- + Giúp việc cho thành viên HĐQT, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHCĐ, Điều lệ Công ty hiện hành;
 - + Hoạt động tích cực, là cầu nối giữa HĐQT với Ban Điều hành trong vai trò cung cấp thông tin để thực hiện công bố thông tin theo luật định cũng như thông tin đến các cổ đông các hoạt động, phát triển của Công ty.
 - + Trong công tác phối hợp với Ban Kiểm soát: Các tờ trình, Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của HĐQT đều được Ban Thư ký gửi tới Ban Kiểm soát để tạo thuận lợi cho công tác của thành viên Ban Kiểm soát.
- **Bộ phận Quản trị Rủi ro** (trực thuộc HĐQT) đã thực hiện các chức năng sau:
 - + Ban hành chính sách về quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của công ty và của từng bộ phận trong công ty;
 - + Tiến hành đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - + Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Điều hành nhằm hoàn thiện hệ thống này.
 - **Bộ phận Kiểm toán Nội bộ** đã thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - + Kiểm tra và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Điều hành nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - + Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - + Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con của Công ty
 - + Các nhiệm vụ khác như: tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
 - **Bộ phận Quản trị Rủi ro** (trực thuộc Tổng Giám đốc) đã thực hiện các trách nhiệm sau:
 - + Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của Công ty.
 - + Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
 - + Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc. Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.

- + Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- + Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà HĐQT Công ty phê duyệt.
- + Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số Năm qua, HĐQT đã trực tiếp và thường xuyên định hướng, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra. Do hoạt động của Công ty chứng khoán là một hoạt động đặc thù trên một thị trường nhạy cảm, có sự thay đổi diễn biến hàng ngày hàng giờ, nên ngoài việc định hướng chiến lược và giao chỉ tiêu, phân quyền công tác cho Ban điều hành, HĐQT vẫn trực tiếp bám sát tình hình thị trường, nắm bắt sát tình hình thực tế hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, từ đó đã kịp thời nhanh chóng đưa ra các quyết sách, chủ trương chiến lược hợp lý và kịp thời, phản ứng nhanh và sát với diễn biến thị trường. Đó chính là yếu tố quyết định giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và duy trì hoạt động bình thường trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của các công ty chứng khoán trong năm qua.

Do cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như trên nên ngoài các cuộc họp định kỳ tối thiểu hàng Quý theo Luật thì các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Các hình thức trao đổi công việc với nhau qua điện thoại, E-mail hay phương tiện truyền thông hiện đại khác đều được các thành viên Hội đồng quản trị áp dụng, thực hiện để trao đổi, xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời, định hướng hoạt động cho Ban Điều hành. Kết quả, trong năm 2020, HĐQT đã thông qua và ban hành 07 nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến công tác quản trị, điều hành, nhân sự. Các văn bản do HĐQT ban hành thông qua các phiên họp định kỳ hoặc dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản đều đạt được sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT, được ban hành không trái với quy định pháp luật hiện hành và có giá trị thực thi cao. Đối với những nghị quyết của HĐQT thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định, HĐQT Công ty cũng thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo đúng thời hạn quy định.

12/2020
HGM
HIEP
C

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị

| STT | Số nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 1 | 60/2020/NQ-HĐQT | 28/04/2020 | Chốt danh sách cổ đông và quyết định ngày Tổ chức Đại hội cổ Đông thường niên 2020 |
| 2 | 81/2020/NQ-HĐQT | 08/06/2020 | Quyết định các báo cáo, tờ trình và mẫu biểu để Tổ chức Đại hội cổ Đông thường niên 2020 và thành lập các ban chuyên môn |
| 3 | 122/2020/NQ-HĐQT | 29/07/2020 | Đóng cửa phòng giao dịch |
| 4 | 148/2020/QĐ-HĐQT | 07/09/2020 | Bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc |
| 5 | 162/2020/QĐ-HĐQT | 08/10/2020 | Đóng cửa phòng giao dịch |
| 6 | 175/2020/NQ-HĐQT | 28/10/2020 | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc |
| 7 | 176/2020/NQ-HĐQT | 28/10/2020 | Bổ nhiệm Giám đốc khối tư vấn |

Những công việc chủ yếu đã được HĐQT xem xét giải quyết như sau:

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Giám sát Ban Điều hành Công ty trong chấp hành và thực hiện các quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình cũng như các quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán, TTCK
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Thông qua báo cáo tài chính Quý, bán niên của công ty.
- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường tới cơ quan quản lý và các cổ đông.



- Tăng cường công tác giám sát, quản trị của HĐQT đối với Ban Điều hành qua việc thành lập các bộ phận quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Phân công cụ thể các thành viên HĐQT để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của HĐQT.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT đã họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động và thông qua kế hoạch công tác của HĐQT; xem xét, cho ý kiến đối với về tình hình hoạt động kinh doanh Công ty.
- Trong quan hệ với cổ đông, HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua báo chí, truyền hình, Website Công ty, công bố thông tin kịp thời các vấn đề theo quy định....
- Các công tác mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Công ty kiểm toán cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo để Ban Điều hành cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cho Ban Kiểm soát, công ty kiểm toán...
- HĐQT luôn chú trọng tăng cường công tác nâng cao năng lực chất lượng công tác kiểm soát nội bộ, tăng cường năng lực quản trị rủi ro hệ thống như: tăng cường nhân sự cho công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro... Sửa đổi, bổ sung các văn bản về quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro, tăng cường phối hợp, kiểm tra, kiểm soát các phòng ban nghiệp vụ, giám sát tuân thủ quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro toàn hệ thống.
- Thiết lập được quan hệ tốt với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành, các tổ chức tài chính - tín dụng trong nước và quốc tế có uy tín để hỗ trợ và giúp đỡ Công ty trong quá trình triển khai các mặt hoạt động.
- Chỉ đạo ban điều hành thực hiện tốt các nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT... đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật lao động hiện hành.

Trong năm tới, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục tăng cường công tác định hướng chỉ đạo, quản trị giám sát Ban điều hành trên mọi mặt, đảm bảo cho công ty hoạt động năng động, linh hoạt và sáng tạo theo diễn biến thị trường, đồng thời đảm bảo quản trị rủi ro và an toàn vốn tối đa trong hoạt động, đưa Công ty đi lên phát triển bền vững. HĐQT và Chủ tịch HĐQT sẽ hoạt động thường trực để trực tiếp và sâu sát trong hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo sự kịp thời, nhạy bén và sát thực tiễn thị trường trong các quyết sách chỉ đạo; Đảm bảo duy trì, phát huy sự ổn định, an toàn và phát triển bền vững cho Công ty trong giai đoạn khó khăn năm tới.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e) Chúng tôi đào tạo về quản trị công ty:

A
CỔ
CỔ
NG KH
CỔ
/11
/7

HDQT Công ty luôn quan tâm việc hoàn thiện công tác quản trị công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017. Trong đó, điều 34 quy định về việc các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành của công ty đại chúng phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận. Trên tinh thần đó, HDQT công ty đã thực hiện chương trình tham gia các khóa quản trị công ty đại chúng cho các thành viên ban quản trị công ty và Ban kiểm soát công ty đầy đủ theo quy định.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà NGUYỄN THỊ HOA HUỆ

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Huệ được đào tạo chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán. Là người có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính và chứng khoán. Từng được giữ chức danh kế toán trưởng tại Công ty TNHH Nguyễn Hồng Gia.

Bà HỒ THỊ HIỀN

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hiền là người có trình độ chuyên môn về kinh tế và chứng khoán. Bà Hiền tốt nghiệp cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế Tp. HCM, cử nhân Luật tại Đại học Luật Tp. HCM. Bà Hiền cũng có quá trình đào tạo về quản trị kinh doanh tại Đại học Bolton (Anh Quốc) và có chứng chỉ quản lý quỹ do UBCKNN cấp. Bà Hiền có quá trình công tác lâu năm tại VICS, từng là thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ I (2013-2018). Hiện bà Hiền đang là chuyên viên kinh tế tại Ngân hàng BIDV

Bà DƯƠNG THỊ TRINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Trinh là người có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn về kế toán doanh nghiệp. Và có chuyên môn quản trị và phát triển đội ngũ nhân lực.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty là những người có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, có chứng chỉ nghiệp vụ kế toán theo tiêu chuẩn Nhà nước và đều có các chứng chỉ về quản trị Công ty. Hiện tất cả thành viên Ban Kiểm soát Công ty đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại Công ty. Điều này làm cho hoạt

động của Ban Kiểm soát hoàn toàn mang tính độc lập, không bị ảnh hưởng, tác động nào từ phía Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành có tính chất thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo chung cho hoạt động của Công ty phát triển bình thường, không vi phạm pháp luật... Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã xem xét toàn diện hoạt động của Công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của Công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2020. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra công nhận và Ban Kiểm soát hoàn toàn thống nhất với các số liệu này.

Trong năm 2020, không có sự thay đổi nào trong nội bộ Ban Kiểm soát. Hoạt động của Ban Kiểm soát Nội bộ cũng góp phần quan trọng trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của Công ty và nhân viên Công ty và hỗ trợ hoạt động cho Ban Kiểm soát rất tốt.

Trong năm 2020, Công ty không có các hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết nào với các thành viên của Ban Kiểm soát và những người có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát năm 2020:

Thù lao HĐQT, BKS : 191.000.000 Đồng

- ❖ **Thưởng: 18.000.000 Đồng**
- ❖ **Bảo hiểm Xã hội và sức khỏe: 0 Đồng**

Số liệu trên là chi phí thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị trong năm 2020. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do các Cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ hàng năm. Khoản thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính toán trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm, công khai và minh bạch nhằm đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và quyền lợi của Cổ đông. Đối với kinh phí hoạt động hàng năm, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ lập dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên trình ĐHĐCĐ thông qua và được cân đối và quyết toán trong tổng mức kinh phí hoạt động chung của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công tác điều hành có tiêu chuẩn đi lại, giao dịch công tác bằng xe ô tô và lái xe của Công ty. Ngoài ra, không có chi phí cá nhân khác.

Do thực tế khó khăn của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Công ty nên trong năm 2020, Công ty duy trì việc chi trả mức lương phù hợp với điều kiện của VICIS cho Ban Điều hành và các cán bộ quản lý cao cấp. Chế độ thưởng theo thành tích công việc. Các chế độ khác như khám chữa bệnh, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, sử dụng

xe công vụ của Ban Điều hành đều thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Bộ luật Lao động, theo hướng tiết kiệm, có tính đến điều kiện thực tế của Công ty.

- ❖ **Lương của Ban Điều hành: 845.136.839 Đồng**
- ❖ **Thưởng: 12.000.000 Đồng**
- ❖ **Bảo hiểm Xã hội: 40.414.222 Đồng**

Số liệu trên là mức lương, thưởng và bảo hiểm xã hội của Ban Điều hành trong năm 2020. Không ai trong số các thành viên Ban Điều hành được hưởng các quyền lợi khác như: cổ phiếu thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe đặc biệt tại các bệnh viện cao cấp, du lịch nước ngoài hay các chế độ phúc lợi tự nguyện khác do Công ty thực hành chính sách tiết kiệm chi phí quản lý, điều hành do điều kiện thị trường khó khăn cũng như để đảm bảo lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong năm 2020, các cổ đông nội bộ và người có liên quan không có giao dịch cổ phiếu nào

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2020, VICS luôn hoạt động dựa trên việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành tại Thông tư 95/2017/IT-BTC ngày 22/9/2017. Các điều khoản tại Thông tư này luôn được VICS thực hiện đầy đủ theo quy định. Theo đó, tất cả các thành viên HĐQT, BKS và thư ký công ty đã tham gia đầy đủ các khóa học và đã nhận được chứng chỉ.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2020 của VICS đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội tiến hành kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính 2020 đã gửi các cơ quan chức năng và được đăng tải toàn bộ trên trang web của công ty : www.vics.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Xuân Biều

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

| | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Điều hành | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04-05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06-39 |
| Báo cáo tình hình tài chính | 06-09 |
| Báo cáo kết quả hoạt động | 10-11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 12-13 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu | 14 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 15-39 |

23
CHI
CỘ
NH
TO
BẮT
TẠI
SIA

H
V
/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHDKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 và Quyết định số 133/QĐ-UBCK ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Xuân Biều | Chủ tịch |
| Ông Tô Thành Vinh | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Xuân Sanh | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|---------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Biều | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 28/10/2020 |
| Ông Tô Thành Vinh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28/10/2020 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ | Trưởng ban |
| Bà Dương Thị Trinh | Ủy viên |
| Bà Hồ Thị Hiền | Ủy viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Cơ nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 22/2021/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



2
N
P
M
NG
P

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc một số nội dung như sau:

Tại thuyết minh số 06 - "Các khoản phải thu", Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này căn cứ theo giá chứng khoán tại thời điểm 31/12/2020 là 164,98 tỷ đồng. Trong đó, giá trị tài sản đảm bảo là các cổ phiếu OTC được Công ty xác định căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác là 127,53 tỷ đồng và giá trị tài sản đảm bảo là các cổ phiếu niêm yết được Công ty xác định căn cứ theo giá thị trường tại 31/12/2020 là 37,45 tỷ đồng.

Tại thuyết minh số 9 - "Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược", Công ty đang đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân số tiền 110 tỷ đồng với mục đích đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2020, các bên vẫn tiếp tục gia hạn hợp đồng đặt cọc này và để đảm bảo cho khoản đặt cọc này, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân ký kết các biên bản bảo lãnh với Công ty. Tài sản được bảo lãnh tại thời điểm 31/12/2020 là 2,067 triệu Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Vạn Xuân phát hành, giá trị theo xác định của các bên là 93,015 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân cam kết bảo lãnh số tiền đặt cọc nêu trên bằng 1,7 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân với giá trị theo xác định là 17 tỷ đồng. Giá trị các tài sản đảm bảo này được xác định căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị các cổ phiếu nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường và Công ty có thể kiểm soát, định đoạt, thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu tại thuyết minh số 06 và thuyết minh số 09 này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đối tác cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của đối tác và Công ty.

Tại thuyết minh số 1.3 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" tại thời điểm 31/12/2020, lỗ lũy kế trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty là âm 168,71 tỷ đồng, đồng thời lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm của công ty đang âm 0,6 tỷ đồng, hoạt động của Công ty duy trì ở mức độ cầm chừng. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1.3 cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30/03/2020.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội



Nguyễn Thành Nam

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3528-2021-037-1

Vũ Trường Giang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4145-2017-037-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 21.638.503.793 | 17.733.373.289 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 21.638.503.793 | 17.733.373.289 |
| 311 | 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 14 | 5.862.937.426 | 5.862.937.426 |
| 312 | 1.1 Vay ngắn hạn | | 5.862.937.426 | 5.862.937.426 |
| 320 | 2. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 1.182.090.360 | 207.268.664 |
| 321 | 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 66.000.000 | 66.000.000 |
| 322 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 487.019.306 | 696.315.980 |
| 323 | 5. Phải trả người lao động | | 336.565.607 | 203.264.385 |
| 324 | 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 95.874.215 | 79.899.702 |
| 325 | 7. Chi phí phải trả ngắn hạn | 17 | 775.000.000 | 1.757.660.076 |
| 328 | 8. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 18 | 89.400.000 | 81.000.000 |
| 329 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 19 | 12.743.616.879 | 8.779.027.056 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 190.877.792.500 | 194.373.295.162 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 190.877.792.500 | 194.373.295.162 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 |
| 411.1 | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | | 341.333.000.000 | 341.333.000.000 |
| 411.1a | a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 341.333.000.000 | 341.333.000.000 |
| 411.2 | 1.3 Thặng dư vốn cổ phần | | 14.625.850.000 | 14.625.850.000 |
| 414 | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 1.813.981.917 | 1.813.981.917 |
| 415 | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 1.813.981.917 | 1.813.981.917 |
| 417 | 4. Lợi nhuận chưa phân phối | | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |
| 417.1 | 4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 212.516.296.293 | 212.106.668.451 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| | A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | |
| 005 | 1. Ngoại tệ các loại | | 129 | 129 |
| 006 | 2. Cổ phiếu đang lưu hành | | 34.133.300 | 34.133.300 |
| 012 | 3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán | 21 | 22.433.170.000 | 22.433.170.000 |
| | B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | |
| 021 | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư | 22 | 767.324.810.000 | 718.527.850.000 |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng | | 725.293.010.000 | 674.153.250.000 |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | | 130.000.000 | - |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | | 25.537.100.000 | - |
| 021.5 | e. Tài sản tài chính chờ thanh toán | | 16.364.700.000 | 44.374.600.000 |
| 022 | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 23 | 15.125.810.000 | - |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 15.125.810.000 | - |

237
HIT
CÓN
NH
TCA
ĐẤT
TAT
SIA

MAI
U
M

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|
| | | | | |
| 026 | 3. Tiền gửi của khách hàng | 24 | 10.125.248.840 | 11.334.865.476 |
| 027 | 3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 6.177.988.266 | 9.860.494.555 |
| 029 | 3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 3.947.260.574 | 1.474.370.921 |
| 029.1 | a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước | | 3.945.817.404 | 1.474.370.921 |
| 029.2 | b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài | | 1.443.170 | - |
| 031 | 4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 25 | 10.125.006.926 | 11.334.865.476 |
| 031.1 | 4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 10.093.167.597 | 11.334.865.476 |
| 031.2 | 4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 31.839.329 | - |
| 035 | 7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 26 | 241.914 | - |


Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Biều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

13-C
 HẠN
 TY
 MHH
 4-T
 VI
 IA NI
 -T

B
 HINH

S.G.P.
 CH
 QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG*Năm 2020*

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-----------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| | I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | |
| 03 | 1.1 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 28 | 92.036.187 | 125.600.235 |
| 06 | 1.2 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 3.153.536.014 | 3.092.322.825 |
| 09 | 1.3 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 234.201.203 | 217.047.411 |
| 10 | 1.4 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | | 2.497.727.273 | 2.559.090.909 |
| 11 | 1.5 Thu nhập hoạt động khác | | 351.400.216 | - |
| 20 | Cộng doanh thu hoạt động | | 6.328.900.893 | 5.994.061.380 |
| | II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | |
| 27 | 2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 2.757.363.350 | 3.286.736.089 |
| 28 | 2.2 Chi phí nghiệp vụ báo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | | - | 103.522.676 |
| 29 | 2.3 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | | - | 43.770.075 |
| 30 | 2.4 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 737.374.661 | 352.324.618 |
| 31 | 2.5 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | | 455.154.449 | 1.467.301.517 |
| 32 | 2.6 Chi phí các dịch vụ khác | 29 | 181.873.561 | 37.389.640 |
| 40 | Cộng chi phí hoạt động | | 4.131.766.021 | 5.291.044.615 |
| | III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 42 | 3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | | 327.948.816 | 308.105.616 |
| 50 | Cộng doanh thu hoạt động tài chính | | 327.948.816 | 308.105.616 |
| | IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | |
| 60 | Cộng chi phí tài chính | | - | - |
| 62 | VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 30 | 5.746.495.822 | 24.589.367.983 |
| 70 | VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | (3.221.412.134) | (23.578.245.602) |
| | VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | |
| 71 | 8.1 Thu nhập khác | 31 | 315.872.726 | 297.278.713 |
| 72 | 8.2 Chi phí khác | 32 | 589.963.254 | 674.594.798 |
| 80 | Cộng kết quả hoạt động khác | | (274.090.528) | (377.316.085) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|---|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| 90 | IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| 91 | 9.1 Lợi nhuận đã thực hiện | | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| 100 | X. CHI PHÍ THUẾ TNDN | 33 | - | - |
| 200 | XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| 500 | XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | | |
| 501 | 13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | 34 | (102) | (702) |


Hoàng Thị Châu
Người lập

Võ Huyền Trâm
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Biều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | VND | VND |
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 390.022.056 | 18.385.676.633 |
| 03 | - Khấu hao tài sản cố định | | 626.277.821 | 583.493.427 |
| 04 | - Các khoản dự phòng | | - | 17.611.138.822 |
| 07 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (236.255.765) | 191.044.384 |
| 30 | 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 2.509.386.214 | 7.181.288.218 |
| 31 | - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | | - | 29.750.000 |
| 33 | - Tăng (giảm) các khoản cho vay | | (586.720.570) | (140.111.979) |
| 35 | - (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính | | - | 3.040.981.455 |
| 37 | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | (49.644.406) | (170.422.988) |
| 39 | - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác | | (91.693.051) | 1.792.788.470 |
| 40 | - Tăng (giảm) các tài sản khác | | (1.267.585.923) | (1.028.794.205) |
| 41 | - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | | (982.660.076) | 1.633.880.000 |
| 42 | - Tăng (giảm) chi phí trả trước | | 143.299.660 | 321.017.182 |
| 45 | - Tăng, (giảm) phải trả cho người bán | | 1.439.821.696 | (850.439) |
| 46 | - Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân | | 15.974.513 | 53.665.346 |
| 47 | - Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN) | | (209.296.674) | 205.869.212 |
| 48 | - Tăng, (giảm) phải trả người lao động | | 133.301.222 | 193.730.664 |
| 50 | - Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác | | 3.964.589.823 | 1.249.785.500 |
| 60 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (596.094.392) | 1.611.403.164 |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 61 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | | - | (1.107.040.000) |
| 65 | 5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | - | 308.105.616 |
| 70 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | - | (798.934.384) |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 80 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | - | - |
| 90 | IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm | | (596.094.392) | 812.468.780 |
| 101 | V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 1.808.257.403 | 995.788.623 |
| 101.1 | - Tiền | | 1.808.257.403 | 995.788.623 |
| 103 | VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | | 1.212.163.011 | 1.808.257.403 |
| 103.1 | - Tiền | | 1.212.163.011 | 1.808.257.403 |

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------|---|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| | I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 864.978.116.100 | 985.743.569.072 |
| 02 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (886.266.637.100) | (870.530.286.728) |
| 07 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 493.914.983.661 | 390.080.192.898 |
| 08 | 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | (473.836.321.211) | (496.131.539.346) |
| 14 | 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 16.864.647.370 | 30.158.412.202 |
| 15 | 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | (16.864.405.456) | (30.158.412.202) |
| 20 | Tăng/giảm tiền thuần trong năm | | (1.209.616.636) | 9.161.935.896 |
| 30 | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | | 11.334.865.476 | 2.172.929.580 |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | 11.334.865.476 | 2.172.929.580 |
| 32 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | | 9.860.494.555 | 1.153.222.959 |
| 34 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 1.474.370.921 | 1.019.706.621 |
| 40 | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | 24 | 10.125.248.840 | 11.334.865.476 |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | 10.125.248.840 | 11.334.865.476 |
| 42 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | | 6.177.988.266 | 9.860.494.555 |
| 44 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 3.947.260.574 | 1.474.370.921 |



Hoàng Thị Châu
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biểu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02, bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2020

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | Số dư cuối năm | | | |
|---|-------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | 01/01/2019 | | 01/01/2020 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 | - | - | - | - | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 |
| 1.2. Thặng dư vốn cổ phần | | 341.333.000.000 | 341.333.000.000 | - | - | - | - | 341.333.000.000 | 341.333.000.000 |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 14.625.850.000 | 14.625.850.000 | - | - | - | - | 14.625.850.000 | 14.625.850.000 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 1.813.981.917 | 1.813.981.917 | - | - | - | - | 1.813.981.917 | 1.813.981.917 |
| 4. Chuyển lịch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | | (510.000.000) | - | 510.000.000 | - | - | - | - | - |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | | (141.257.956.985) | (165.213.518.672) | (23.944.711.687) | (3.495.502.662) | 10.850.000 | (3.495.502.662) | (165.213.518.672) | (168.709.021.334) |
| 5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | (141.247.106.985) | (165.213.518.672) | (23.955.561.687) | (3.495.502.662) | 10.850.000 | (3.495.502.662) | (165.213.518.672) | (168.709.021.334) |
| 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | | (10.850.000) | - | 10.850.000 | - | - | - | - | - |
| TỔNG CỘNG | | 217.818.856.849 | 194.373.295.162 | (23.434.711.687) | (3.495.502.662) | 10.850.000 | (3.495.502.662) | 194.373.295.162 | 190.877.792.500 |

Hoàng Thị Châu

Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHDKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 và Quyết định số 133/QĐ-UBCK ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> |
|----------------------------|--|
| Chi nhánh Thành phố Hà Nội | Tầng 5, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội |
| Chi nhánh Hà Thành | Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội |

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2020, lỗ lũy kế trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty là âm 168,71 tỷ đồng, đồng thời lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm của công ty đang âm 0,6 tỷ đồng, hoạt động của Công ty duy trì ở mức độ cầm chừng. Sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch mở rộng thêm cơ sở kinh doanh, phát triển thêm khách hàng trong năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giá định về hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

10/12/2020
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI
VIỆT NAM
TP

VIỆT NAM
CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI
CÔNG TY

2.5 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chí phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Điều hành chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-------------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 08 năm |
| - Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế | 02 - 08 năm |

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.14 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

| | Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm | Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm |
|----------------|---|---|
| | | VND |
| Của nhà đầu tư | 225.647.569 | 1.751.244.753.200 |
| - Cổ phiếu | 225.647.569 | 1.751.244.753.200 |
| | <u>225.647.569</u> | <u>1.751.244.753.200</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt tại quỹ | 170.200.571 | 534.332.533 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty | 975.101.998 | 1.271.452.099 |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 66.860.442 | 2.472.771 |
| | <u>1.212.163.011</u> | <u>1.808.257.403</u> |

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

| | <u>31/12/2020</u> | | <u>01/01/2020</u> | |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| | VND | VND | VND | VND |
| Cổ phiếu chưa niêm | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 |
| | <u>30.897.460.000</u> | <u>30.897.460.000</u> | <u>30.897.460.000</u> | <u>30.897.460.000</u> |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản cho vay

| | <u>31/12/2020</u> | <u>01/01/2020</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Hoạt động ứng trước tiền bán | 11.343.903.928 | 10.757.183.358 |
| | <u>11.343.903.928</u> | <u>10.757.183.358</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính thành giá trị)

| | Giá mua | | Giá thị trường (**) | | Chênh lệch đánh giá tăng | | Chênh lệch đánh giá giảm | | Chênh lệch đánh giá lại | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|------------|--------------------------|------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2020 | 01/01/2020 | 31/12/2020 | 01/01/2020 | 31/12/2020 | 01/01/2020 | 31/12/2020 | 01/01/2020 | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| FVTPL | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | - | - | - | - | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | - | - | - | - | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 |
| - Công ty CP Đầu tư Xuất nhập | | | | | | | | | | |
| - Khẩu Động Đô | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 | - | - | - | - | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 |
| - Công ty CP Dẫn tư và Phát triển nhà Hồ Nội số 68 | 11.897.460.000 | 11.897.460.000 | 11.897.460.000 | 11.897.460.000 | - | - | - | - | 11.897.460.000 | 11.897.460.000 |
| - Công ty CP Dẫn tư Tòa nhà Công nghệ xanh TIG-HIDE (*) | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 | - | - | - | - | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 | - | - | - | - | 30.897.460.000 | 30.897.460.000 |

Chi chi:

(*) Công ty CP Đầu tư Tòa nhà Công nghệ xanh TIG-HIDE được đổi tên từ Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội.

(**) Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài Chính để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính (*) | 3.359.018.545 | 3.359.018.545 |
| Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp | 66.666.553.930 | 66.616.909.524 |
| - Phải thu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**) | 45.299.876.762 | 45.299.876.762 |
| - | 20.411.732.762 | 20.411.732.762 |
| <i>Phải thu các cá nhân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (***)</i> | | |
| - Phải thu ứng trước tiền bán quá hạn | 823.700.000 | 823.700.000 |
| - Phải thu các dịch vụ khác | 131.244.406 | 81.600.000 |
| Phải thu khác | 5.798.181.719 | 5.706.488.668 |
| - Phải thu lãi Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**) | 2.503.689.290 | 2.592.489.126 |
| - | | |
| <i>Phải thu lãi các cá nhân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (***)</i> | 2.431.299.406 | 2.342.499.570 |
| - Phải thu khác | 863.193.023 | 771.499.972 |
| | 75.823.754.194 | 75.682.416.737 |

(*) Khoản phải thu khách hàng về bán tài sản tài chính được cam kết bảo lãnh bằng số dư chứng khoán trong các tài khoản được sử dụng để bảo lãnh. Công ty có quyền quản lý các tài khoản để bảo lãnh cho các khoản phải thu này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này căn cứ theo giá chứng khoán tại thời điểm 31/12/2020 là 7.281.119.200 đồng.

(**) Khoản phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ và lãi phải thu liên quan đến các hợp đồng này của Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân được cam kết bảo lãnh bằng số dư chứng khoán trong các tài khoản được sử dụng để bảo lãnh bao gồm 2.834.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân và một số Cổ phiếu niêm yết khác theo hợp đồng bảo lãnh ngày 23 tháng 08 năm 2019 và biên bản bảo lãnh ngày 31/12/2020, Công ty có quyền quản lý các tài khoản để bảo lãnh cho các khoản phải thu này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này tại thời điểm 31/12/2020 là 164,98 tỷ đồng. Trong đó, giá trị tài sản đảm bảo là các cổ phiếu OTC được Công ty xác định căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác là 127,53 tỷ đồng và giá trị tài sản đảm bảo là các cổ phiếu niêm yết được Công ty xác định căn cứ theo giá thị trường tại 31/12/2020 là 37,45 tỷ đồng. (Chi tiết về hợp đồng bảo lãnh và số tiền bảo lãnh được trình bày tại thuyết minh số 38 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)

(***) Khoản phải thu các cá nhân về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ và lãi phải thu liên quan đến các hợp đồng này, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% đối với các khoản phải thu này (Chi tiết tại thuyết minh số 07 - Dự phòng phải thu khó đòi).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | - | 139.333.334 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 73.596.263 | 77.562.589 |
| | 73.596.263 | 216.895.923 |

9 . CẢM CÓ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**a) Ngắn hạn**

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đặt cọc mua văn phòng (*) | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 |
| | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 |

b) Dài hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Đặt cọc thuê văn phòng tại Hội sở và các chi nhánh | 644.928.240 | 636.528.240 |
| | 644.928.240 | 636.528.240 |

(*) Khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Theo Phụ lục hợp đồng số 18/02.2015/VICS-VLX ngày 05/10/2019, hai bên tiếp tục thời gian gia hạn hợp đồng 03 tháng đến ngày 05/01/2021, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân tiếp tục nhận khoản tiền 110 tỷ đồng Công ty đã chuyển để làm căn cứ tìm vị trí để Công ty làm văn phòng trụ sở.

Theo hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên (Bên bảo lãnh), Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân (Bên được bảo lãnh) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Bên nhận bảo lãnh) ngày 23/08/2019, Bên Bảo lãnh đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh. Tài sản được bảo lãnh là 2.067.000 Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vàng Xuân phát hành. Giá trị được xác định theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác là 93.015.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân cam kết bảo lãnh số tiền đặt cọc nêu trên bằng 1.700.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân với giá trị định giá là 17.000.000.000 đồng. Vics có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo này để bảo lãnh cho khoản tiền mà Vics đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho khoản đặt cọc này căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm 31/12/2020 là 110.015.000.000 đồng.

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 117.835.909 | 117.835.909 |
| | 117.835.909 | 117.835.909 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <u>Máy móc, thiết bị</u> VND | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> VND | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> VND | <u>Cộng</u> VND |
|-------------------------------|---------------------------------|---|---|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 2.026.260.850 | 3.615.436.604 | 5.542.003.734 | 11.183.701.188 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 2.026.260.850 | 3.615.436.604 | 5.542.003.734 | 11.183.701.188 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 1.169.946.053 | 3.615.436.604 | 5.542.003.734 | 10.327.386.391 |
| Khấu hao trong năm | 144.140.321 | - | - | 144.140.321 |
| Chuyển sang bất động s: | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2020 | 1.314.086.374 | 3.615.436.604 | 5.542.003.734 | 10.471.526.712 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 856.314.797 | - | - | 856.314.797 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 712.174.476 | - | - | 712.174.476 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | <u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u> VND | <u>Cộng</u> VND |
|-------------------------------|---|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 6.009.199.277 | 6.009.199.277 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 6.009.199.277 | 6.009.199.277 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 4.359.772.396 | 4.359.772.396 |
| Khấu hao trong năm | 482.137.500 | 482.137.500 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 4.841.909.896 | 4.841.909.896 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | 1.649.426.881 | 1.649.426.881 |
| Tại ngày 31/12/2020 | 1.167.289.381 | 1.167.289.381 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

| | <u>31/12/2020</u> VND | <u>01/01/2020</u> VND |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | 2.449.598.458 | 2.449.598.458 |
| Tiền lãi phân bổ trong năm | 2.630.872.218 | 2.394.616.453 |
| Số dư cuối năm | 5.200.470.676 | 4.964.214.911 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

14 . VAY VÀ NỢ

| | 01/01/2020 | Số vay trong năm | Số trả trong năm | 31/12/2020 |
|--|-----------------------------|------------------|------------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 5.862.937.426 | - | - | 5.862.937.426 |
| Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (*) | 5.862.937.426 | - | - | 5.862.937.426 |
| | <u>5.862.937.426</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>5.862.937.426</u> |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(*) Khoản vay Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội theo hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010 và các phụ lục điều chỉnh, với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: theo quy định tại thời điểm. Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty và Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và phát triển Nông Nghiệp Hà Nội 2 bên không tính lãi phát sinh từ năm 2018;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân | 788.040.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển Hà Thành | 167.962.360 | 175.830.664 |
| Công ty CP Thương mại và giải pháp phần mềm RPS | 105.000.000 | - |
| Phải trả các đối tượng khác | 121.088.000 | 31.438.000 |
| | <u>1.182.090.360</u> | <u>207.268.664</u> |

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 104.827.361 | 178.892.553 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 382.191.945 | 517.423.427 |
| | <u>487.019.306</u> | <u>696.315.980</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hoạt động công ty chứng khoán | - | 1.257.660.076 |
| Chi phí hoạt động tư vấn | 775.000.000 | 500.000.000 |
| | <u>775.000.000</u> | <u>1.757.660.076</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

18 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Nhận đặt cọc thuê văn phòng | 89.400.000 | 81.000.000 |
| | 89.400.000 | 81.000.000 |

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 104.625.000 | 104.625.000 |
| Phải trả Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội về lãi vay | 7.417.018.501 | 7.417.018.501 |
| Phải trả bà Nguyễn Thị Hạnh Liên về tiền vay | 4.864.375.323 | 1.249.785.500 |
| Phải trả bà Nguyễn Thị Thu Hằng về tiền vay | 350.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7.598.055 | 7.598.055 |
| | 12.743.616.879 | 8.779.027.056 |

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ (%) | 31/12/2020 VND | Tỷ lệ (%) | 01/01/2020 VND |
|-------------------------------|-------------|------------------------|-------------|------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Tháo | 0,00% | - | 7,15% | 24.397.000.000 |
| Bà Phan Ngọc Hồng | 2,87% | 9.781.000.000 | 9,38% | 32.006.000.000 |
| Vốn góp của cổ đông (dưới 5%) | 97,13% | 331.552.000.000 | 83,48% | 284.930.000.000 |
| | 100% | 341.333.000.000 | 100% | 341.333.000.000 |

b) Lợi nhuận chưa phân phối

| | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |
| | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

| | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước | (165.213.518.672) | (141.247.106.985) |
| Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm | (3.495.502.662) | (23.966.411.687) |
| Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |
| chính | (168.709.021.334) | (165.213.518.672) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 355.958.850.000 | 355.958.850.000 |

e) Cổ phiếu

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 34.133.300 | 34.133.300 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 34.133.300 | 34.133.300 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 34.133.300 | 34.133.300 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 34.133.300 | 34.133.300 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 34.133.300 | 34.133.300 |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty | 22.433.170.000 | 22.433.170.000 |
| | 22.433.170.000 | 22.433.170.000 |

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 725.293.010.000 | 674.153.250.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng | 130.000.000 | - |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 25.537.100.000 | - |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 16.364.700.000 | 44.374.600.000 |
| | 767.324.810.000 | 718.527.850.000 |

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 15.125.810.000 | - |
| | 15.125.810.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 6.177.988.266 | 9.860.494.555 |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 6.147.592.107 | 9.860.494.555 |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài | 30.396.159 | - |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư | 3.947.260.574 | 1.474.370.921 |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 3.945.817.404 | 1.474.370.921 |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài | 1.443.170 | - |
| | 10.125.248.840 | 11.334.865.476 |

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| 1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 6.177.746.352 | 9.860.494.555 |
| 1.1 Nhà đầu tư trong nước | 6.147.350.193 | 9.860.494.555 |
| 1.2 Nhà đầu tư nước ngoài | 30.396.159 | - |
| 2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư | 3.947.260.574 | 1.474.370.921 |
| 2.1 Nhà đầu tư trong nước | 3.945.817.404 | 1.474.370.921 |
| 2.2 Nhà đầu tư nước ngoài | 1.443.170 | - |
| | 10.125.006.926 | 11.334.865.476 |

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|----------------|------------|
| | VND | VND |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư | 241.914 | - |
| | 241.914 | - |

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| 2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán | 11.343.903.928 | 10.757.183.358 |
| 2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán Nhà đầu tư trong nước | 11.343.903.928 | 10.757.183.358 |
| | 11.343.903.928 | 10.757.183.358 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

28 . THU NHẬP**Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Từ các khoản cho vay | 92.036.187 | 125.600.235 |
| | 92.036.187 | 125.600.235 |

29 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác | 181.873.561 | 37.389.640 |
| - Chi phí dịch vụ tài chính khác | 122.882.825 | - |
| - Chi phí khác | 58.990.736 | 37.389.640 |
| | 181.873.561 | 37.389.640 |

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lương và các khoản theo lương | 2.613.994.987 | 2.596.581.623 |
| Chi phí vật tư văn phòng | 249.710.243 | 431.678.137 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT | 195.277.817 | 152.493.427 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 4.453.000 | 5.860.000 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | - | 17.611.138.822 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.261.444.524 | 2.698.158.900 |
| Chi phí khác | 421.615.251 | 1.093.457.074 |
| | 5.746.495.822 | 24.589.367.983 |

31 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền cho thuê lại văn phòng | 313.772.726 | 296.727.272 |
| Các khoản khác | 2.100.000 | 551.441 |
| | 315.872.726 | 297.278.713 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

32 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền phạt vi phạm hành chính | 275.000.000 | 275.000.000 |
| Chi phí cho thuê lại văn phòng | 313.772.726 | 296.727.272 |
| Các khoản khác | 1.190.528 | 102.867.526 |
| | 589.963.254 | 674.594.798 |

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | (276.190.528) | - |
| - Chi phí không hợp lệ | (276.190.528) | - |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | (3.771.693.190) | (23.955.561.687) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | (117.835.909) | (117.835.909) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm | (117.835.909) | (117.835.909) |

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (3.495.502.662) | (23.955.561.687) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 34.133.300 | 34.133.300 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (102) | (702) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kuo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.212.163.011 | - | 1.808.257.403 | - |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 30.897.460.000 | - | 30.897.460.000 | - |
| Các khoản cho vay | 11.343.903.928 | - | 10.757.183.358 | - |
| Các khoản phải thu | 75.823.754.194 | (26.941.921.430) | 75.682.416.737 | (26.941.921.430) |
| | 119.277.281.133 | (26.941.921.430) | 119.145.317.498 | (26.941.921.430) |
| | | | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
| | | | VND | VND |
| Vay và nợ | | | 5.862.937.426 | 5.862.937.426 |
| Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải | | | 13.925.707.239 | 8.986.295.720 |
| Chi phí phải trả | | | 775.000.000 | 1.757.660.076 |
| | | | 20.563.644.665 | 16.606.893.222 |

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|---|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2020 | | | | |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 30.897.460.000 | - | - | 30.897.460.000 |
| | 30.897.460.000 | - | - | 30.897.460.000 |
| Tại ngày 01/01/2020 | | | | |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 30.897.460.000 | - | - | 30.897.460.000 |
| | 30.897.460.000 | - | - | 30.897.460.000 |

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2020 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.212.163.011 | - | - | 1.212.163.011 |
| Các khoản cho vay | 11.343.903.928 | - | - | 11.343.903.928 |
| Các khoản phải thu | 48.881.832.764 | - | - | 48.881.832.764 |
| | 61.437.899.703 | - | - | 61.437.899.703 |
| Tại ngày 01/01/2020 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.808.257.403 | - | - | 1.808.257.403 |
| Các khoản cho vay | 10.757.183.358 | - | - | 10.757.183.358 |
| Các khoản phải thu | 48.740.495.307 | - | - | 48.740.495.307 |
| | 61.305.936.068 | - | - | 61.305.936.068 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|---|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2020 | | | | |
| Vay và nợ | 5.862.937.426 | - | - | 5.862.937.426 |
| Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác | 13.925.707.239 | - | - | 13.925.707.239 |
| Chi phí phải trả | 775.000.000 | . | . | 775.000.000 |
| | 20.563.644.665 | - | - | 20.563.644.665 |
| Tại ngày 01/01/2020 | | | | |
| Vay và nợ | 5.862.937.426 | - | - | 5.862.937.426 |
| Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác | 8.986.295.720 | - | - | 8.986.295.720 |
| Chi phí phải trả | 1.757.660.076 | . | . | 1.757.660.076 |
| | 16.606.893.222 | - | - | 16.606.893.222 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như :

| | Mối quan hệ | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---|-------------|-----------------|-----------------|
| Vay mượn không lãi suất | | | |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên | (*) | 5.300.000.000 | 4.749.785.500 |
| Trả tiền vay mượn không lãi suất | | | |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên | (*) | 1.685.410.177 | 3.500.000.000 |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Mối quan hệ | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|-------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Tạm ứng | | | |
| Bà Nguyễn Thị Thảo | Cổ đồng lớn | 60.618.410 | 981.932.487 |
| Phải trả khác | | | |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên | (*) | 4.864.375.323 | 1.249.785.500 |

(*) Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên - Vợ chủ tịch HĐQT Công ty cam kết sử dụng 4.901.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân với giá trị theo giá xác định của các bên là 220.545.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân bao gồm nợ đặt cọc mua văn phòng số tiền 110.000.000.000 đồng (Thuyết minh số 09) và nợ gốc hợp tác kinh doanh chứng khoán số tiền 45.299.876.762 đồng (Thuyết minh số 06).

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Chức vụ | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|---------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập của Hội đồng quản trị | | 117.000.000 | 126.000.000 |
| Ông Nguyễn Xuân Biều | Chủ tịch | 39.000.000 | 42.000.000 |
| Ông Tô Thành Vinh | Phó Chủ tịch | 39.000.000 | 42.000.000 |
| Ông Nguyễn Xuân Sanh | Ủy viên | 39.000.000 | 42.000.000 |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | | 857.136.839 | 930.732.200 |
| Ông Nguyễn Xuân Biều | Tổng Giám đốc | 512.142.926 | 555.017.200 |
| Ông Tô Thành Vinh | Tổng Giám đốc | 344.993.913 | 375.715.000 |
| Thu nhập của Ban Kiểm soát | | 91.000.000 | 98.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ | Trưởng ban | 39.000.000 | 42.000.000 |
| Bà Dương Thị Trinh | Ủy viên | 26.000.000 | 28.000.000 |
| Bà Hồ Thị Hiền | Ủy viên | 26.000.000 | 28.000.000 |

39 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

| | Mã số | Phân loại và trình bày lại VND | Trình bày trên báo cáo năm trước VND |
|---|-------|--------------------------------|--------------------------------------|
| Báo cáo tình hình tài chính | | | |
| Các khoản cho vay | 114 | 10.757.183.358 | 11.580.883.358 |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 119 | 66.616.909.524 | 65.793.209.524 |
| Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản th | 116 | - | (823.700.000) |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 129 | (26.941.921.430) | (26.118.221.430) |



Hoàng Thị Châu
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021